

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2026/HS-ST
Ngày 29 - 6 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Ngọc và Ông Nguyễn Quốc Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Mai Anh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị và điểm cầu thành phần tại Phân trại tạm giam B, Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Q. Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị xét xử trực tuyến, sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 42/2026/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2026/QĐXXST-HS ngày 18/6/2026, đối với các bị cáo:

1. Võ Văn D, giới tính: Nam; sinh ngày 10 tháng 3 năm 1992 tại xã Q, tỉnh Quảng Trị; nơi đăng ký cư trú: C, thôn H, xã Q, tỉnh Quảng Trị; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Võ Ngọc H, sinh năm 1959 và bà Đàm Thị L, sinh năm 1965; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/3/2026. Có mặt.

2. Cao Xuân B; giới tính: Nam; sinh ngày 08 tháng 5 năm 2001 tại xã T, tỉnh Quảng Trị; nơi đăng ký cư trú: Xóm F, thôn H, xã T, tỉnh Quảng Trị; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Cao Văn L1, sinh năm 1977 và bà Đoàn Thị H1, sinh năm 1979; vợ: Phạm Thị Thu H2, sinh năm 2004; con có 01 đứa, sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/3/2026. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1975; địa chỉ: TDP C, phường B, tỉnh Quảng Trị.

- Người làm chứng: Bà Đinh Thị V, sinh năm 1975; địa chỉ: TDP C, phường B, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 01/3/2026, Võ Văn D hẹn Cao Xuân B góp mỗi người 100.000 đồng để mua ma túy hồng phiến sử dụng, B đồng ý. Sau khi góp được 200.000 đồng, B cầm giữ số tiền rồi cả hai đi tìm mua ma túy. Khi đi đến khu vực cầu "" thuộc KP2, phường B, tỉnh Quảng Trị thì gặp một nam thanh niên đang đi bộ. Điệu tiếp cận, dò hỏi thì biết nam thanh niên này có bán ma túy hồng phiến, sau đó B hỏi mua ma túy hồng phiến với số tiền 200.000 đồng, thì nam thanh niên nói “200.000 đồng chỉ được 02 viên hồng phiến”, D và B đồng ý. B đưa 200.000 đồng, nam thanh niên đó đưa cho B 01 gói giấy bạc, bên trong chứa 02 (hai) viên ma túy hồng phiến. B cất giấu số ma túy đó trong người rồi cùng D đi đến nhà nghỉ “Trường C” thuộc TDP C, phường B, tỉnh Quảng Trị để thuê phòng nghỉ và sử dụng ma túy. Lúc D và B vào thuê phòng thì được bà Đinh Thị V, quản lý nhà nghỉ C1 đi lên phòng nghỉ số 3, tầng 2. Tại đây, B lấy gói giấy bạc rồi mở ra để kiểm tra xem thì thấy có 02 (hai) viên ma túy hồng phiến, B đặt xuống ở giường rồi cả hai cùng nhau tìm kiếm đồ để chế tạo bộ dụng cụ sử dụng ma túy nhưng không có nên cả hai thống nhất không sử dụng ma túy tại đây nữa. Đang lúc nói chuyện thì lực lượng Công an phường B vào kiểm tra, phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ số ma túy.

Tại Bản kết luận giám định số 416/2026/KL-KTHS ngày 09/3/2026 của Phòng K Công an tỉnh Q, kết luận: Mẫu ký hiệu A gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,213g; đã giám định hết.

- Vật chứng thu giữ: Cơ quan điều tra đã thu giữ 02 (hai) viên nén hình tròn, màu hồng, dạng thuốc tân dược, chứa trong một gói giấy bạc là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,213gam. Sau giám định đã được niêm phong bằng một phong bì thư dán kín, trên ghi nội dung “416/2026/KL-KTHS” của Phòng K Công an tỉnh Q.

- Cáo trạng số 25/CT - VKSQTI - KV ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị truy tố Võ Văn D và Cao Xuân B, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Xét họ có lời khai tại hồ sơ, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 và 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị thực hiện quyền công tố và luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Võ Văn D và Cao Xuân B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

+ Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Võ Văn D từ 36 (ba mươi sáu) đến 42 (bốn mươi hai) tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ Luật Hình sự: xử phạt bị cáo Cao Xuân B từ 36 (ba mươi sáu) đến 42 (bốn mươi hai) tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư, dán kín, trên ghi nội dung “416/2026-JL-KTHS” bên trong chứa vỏ bao gói sau giám định, đã được niêm phong bằng các chữ ký của những người tham gia niêm phong, hình dấu của Phòng K, Công an tỉnh Q, ngoài cùng dán băng dính trong suốt là vật không có giá trị sử dụng.

+ Án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhất trí toàn bộ nội dung Cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị đã truy tố, không tranh luận, bào chữa. Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Lời khai của các bị cáo Võ Văn D và Cao Xuân B tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai trong giai đoạn điều tra, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Ngày 01 tháng 3 năm 2026, tại tổ dân phố C, phường B, tỉnh Quảng Trị, Võ Văn D và Cao Xuân B có hành vi tàng trữ 0,213 (*Không phải hai trăm mười ba gam*) chất ma túy, loại Methamphetamine, mục đích sử dụng. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp “Tàng trữ trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 25/CT-VKSQT-KV ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân

dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị truy tố các bị cáo Võ Văn D và Cao Xuân B về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Các bị cáo nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương và sức khỏe của bản thân, là nguyên nhân làm phát sinh một số tội phạm. Do đó, áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt tù có thời hạn mới có tác dụng giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét cho các bị cáo, đó là quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nhân thân tốt; riêng bị cáo Võ Văn D có bố là ông Võ Ngọc H được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, Huân Chương chiến công và Giấy chứng nhận thương binh, thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Vụ án có tính đồng phạm, nhưng giản đơn, không có phân công, phân nhiệm. Võ Văn D khởi xướng mua ma túy nên có vai trò cao hơn và chịu hình phạt nặng hơn Cao Xuân B.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, không có khả năng thi hành án; cần xem xét miễn chấp hành hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng: Đối với các vật chứng chưa xử lý là vật không có giá trị sử dụng, xử lý tịch thu tiêu huỷ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Không.

[5] Hành vi có liên quan: Không xác định được đối tượng nam thanh niên đã bán ma túy cho Võ Văn D và Cao Xuân B nên không có căn cứ xử lý; bà Đinh Thị V, người quản lý nhà nghỉ “Trường C” nghi ngờ Võ Văn D và Cao Xuân B thuê phòng liên quan đến ma túy, chủ động trình báo Cơ quan điều tra kiểm tra nên không xem xét trách nhiệm.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Võ Văn D và Cao Xuân B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Võ Văn D 03 (ba) năm 01 (một) tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 02/3/2026.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ Luật Hình sự: xử phạt bị cáo Cao Xuân B 03 (ba) năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 02/3/2026.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Võ Văn D và Cao Xuân B với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/6/2026) để đảm bảo thi hành án, theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư, dán kín, trên ghi nội dung “416/2026-JL-KTHS” bên trong chứa vỏ bao gói sau giám định, đã được niêm phong bằng các chữ ký của những người tham gia niêm phong, hình dấu của Phòng K Công an tỉnh Q, ngoài cùng dán băng dính trong suốt là vật không có giá trị sử dụng. (Vật chứng như mô tả trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08 tháng 6 năm 2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị).

4. Án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”, buộc Võ Văn D và Cao Xuân B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: căn cứ các khoản 1, 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/6/2025) đối với người có mặt và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 3;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án; THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Anh Đức

